TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 115/2026/QĐST-HNGĐ	*Thanh Hóa, ngày 07 tháng 05 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 139/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa:

1/ Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng V - Sinh năm: 1982;

CCCD: 038182041778

Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Thanh Hóa

2/ Bị đơn: Anh Mai Văn T - Sinh năm: 1981;

CCCD: 038081034055

Địa chỉ: Thôn B, xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2026

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29/4/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Hồng V và anh Mai Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con: Vợ chồng có 01 con chung là Mai Mạnh K, sinh ngày 12/02/2023. Sau ly hôn, giao cháu K cho chị V trực tiếp nuôi dưỡng; anh T cấp dưỡng nuôi con chung, mức cấp dưỡng là 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*)/tháng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 5/2026 cho đến khi cháu K đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

* Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng thống nhất tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Về án phí: Áp dụng khoản 3, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 chị V tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*);

Anh Mai Văn T phải chịu án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), nhưng chị V tự nguyện nộp thay cho anh T.

Tổng cộng là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu: BLTU/26E, số 0002013 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T; chị V đã nộp đủ án phí DSST.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND khu vực 5-TH;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Phòng GĐ-KT TAND tỉnh.
- UBND xã Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa
(*UBND thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn cũ*);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Huệ

TAND KHU VỰC 5

YNW070526.TL.QDBA 588